

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH SƠN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2019/QĐST – HNGĐ

*Bình Sơn, ngày 29 tháng 8 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật HN&GD năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 183/2019/TLST – HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1980;

Nơi ĐKKHKT: xã H, huyện H, tỉnh Q.

Chỗ ở hiện nay: 216 Ph, thành phố Q, tỉnh Q.

+ Chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1989;

Nơi ĐKKHKT: xã H, huyện H, tỉnh Q.

Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể Nhà máy đóng tàu, thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Q.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Thu L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 28/4/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, vợ chồng không có thời gian dành cho nhau và cách sống, cách ứng xử giữa hai bên gia đình, quan điểm về xây dựng hạnh phúc gia đình, cách chăm sóc con ...quá khác nhau làm cho cả hai dần dần mất tình cảm. Anh D và chị L quyết định

sống ly thân cho đến nay gần được một năm. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên đã động viên, hòa giải cho vợ chồng nhưng cả hai không thể hàn gắn và xác định đến nay tình cảm không còn. Nay anh D và chị L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để giải thoát cho đôi bên. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2]. Về con chung: Giữa anh D và chị L có hai con chung là Nguyễn Trọng Gi, sinh ngày 20/7/2014 và Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 03/01/2017. Hai bên thỏa thuận giao cháu Gi cho anh D tiếp tục nuôi, giao cháu Đan cho chị L nuôi, hai bên thỏa thuận không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy trong thời gian sống ly thân, anh D cũng nuôi cháu Giáp cho đến nay, chị L nuôi cháu Đan cho đến nay. Việc thỏa thuận nuôi con của anh, chị là phù hợp với điều kiện chăm sóc con, điều kiện kinh tế nên Tòa án công nhận thỏa thuận nuôi con của anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Thu L.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Thu L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Thu L thống nhất có hai con chung là Nguyễn Trọng Gi, sinh ngày 20/7/2014 và Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 03/01/2017

Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Thu L thỏa thuận giao Nguyễn Trọng Gi, sinh ngày 20/7/2014 cho anh D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 03/01/2017 cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D và chị L không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Thu L có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Thu L có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng anh D, chị L đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000509, ngày 08/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q nên được khấu trừ xong.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND, THA huyện B;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**THẨM PHÁN**

( Đã ký)

**Lê Quốc Phong**